

Họ, tên thí sinh:.....

Số báo danh:.....

**Câu 41:** Điểm giống nhau về cấu tạo giữa tinh bột và xenlulozơ là

- A. được tạo nên từ nhiều phân tử glucozơ.      B. được tạo nên từ nhiều gốc fructozơ.  
C. được tạo nên từ nhiều phân tử saccarozơ.      D. được tạo nên từ nhiều gốc glucozơ.

**Câu 42:** Đốt cháy hoàn toàn 4,712 gam một ancol no, hai chức, mạch hở thu được m gam  $\text{CO}_2$  và 4,464 gam  $\text{H}_2\text{O}$ . Giá trị của m là

- A. 5,456.      B. 6,688.      C. 10,032.      D. 8,184.

**Câu 43:** Saccarozơ và glucozơ đều có phản ứng với

- A. dd  $\text{AgNO}_3/\text{NH}_3$ , đun nóng.      B. thủy phân trong môi trường axit  
C. dd  $\text{Br}_2$       D.  $\text{Cu}(\text{OH})_2$ ,  $t^\circ$  thường

**Câu 44:** Sục  $\text{CO}_2$  vào dung dịch  $\text{Ba}(\text{OH})_2$  thu được kết quả theo đồ thị hình bên (số liệu tính theo đơn vị mol).

Giá trị của x là

- A. 0,20.      B. 0,10.      C. 0,15.      D. 0,18.

**Câu 45:** Este nào sau đây thủy phân trong môi trường axit cho ra phenol?

- A. Phenylaxetat.      B. Metylbenzoat.      C. Etylfomat.      D. Metylaxetat.

**Câu 46:** Cho hỗn hợp X gồm axit axetic và metyl axetat tác dụng vừa đủ với dung dịch  $\text{NaOH}$ , sau phản ứng thu được 16,4 gam muối và 3,84 gam ancol. Phần trăm số mol của metyl axetat trong X là

- A. 64,91%.      B. 35,09%.      C. 60%.      D. 40%.

**Câu 47:** Chất béo là

- A. là este của axit béo và ancol đa chức.      B. trieste của glixerol và axit béo.  
C. trieste của axit hữu cơ và glixerol.      D. hợp chất hữu cơ chứa C, H, N, O.

**Câu 48:** Thủy phân hoàn toàn chất béo trong dung dịch  $\text{NaOH}$  luôn thu được

- A. ancol benzylic.      B. etylen glicol.      C. ancol etylic.      D. glixerol.

**Câu 49:** Axit cacboxylic nào sau đây là axit béo?

- A. Axit oxalic.      B. Axit axetic.      C. Axit fomic.      D. Axit stearic.

**Câu 50:** Các ion có thể cùng tồn tại trong một dung dịch là

- A.  $\text{Ag}^+$ ;  $\text{Cl}^-$ .      B.  $\text{Cl}^-$ ;  $\text{Ca}^{2+}$ .      C.  $\text{OH}^-$ ;  $\text{Mg}^{2+}$ .      D.  $\text{H}^+$ ;  $\text{OH}^-$ .

**Câu 51:** Axetilen có công thức phân tử là

- A.  $\text{C}_2\text{H}_2$ .      B.  $\text{C}_2\text{H}_6$ .      C.  $\text{C}_2\text{H}_4$ .      D.  $\text{CH}_4$ .

**Câu 52:** Trong công nghiệp, một lượng lớn chất béo dùng để sản xuất

- A. xà phòng và ancol etylic.      B. glucozơ và ancol etylic.  
C. xà phòng và glixerol.      D. glucozơ và glixerol.

**Câu 53:** X, Y, Z là 3 este đơn chức mạch hở (trong đó X, Y là este no,  $M_Y = M_X + 14$ , Z không no chứa một liên kết  $\text{C}=\text{C}$ ). Đốt cháy hoàn toàn 14,64 gam hỗn hợp E chứa X, Y, Z cần dùng 0,76 mol  $\text{O}_2$ . Mặt khác đun nóng 14,64 gam E với dung dịch  $\text{NaOH}$  vừa đủ thu được ancol T duy nhất và

hỗn hợp muối. Dẫn toàn bộ T đi qua bình đựng Na dư thấy khối lượng bình tăng 8,1 gam; đồng thời thu được 2,016 lít khí H<sub>2</sub>. Tỷ lệ mol các muối có khối lượng phân tử tăng dần là:

- A. 6 : 1 : 2                      B. 4 : 3 : 2                      C. 5 : 2 : 2                      D. 9 : 5 : 4

**Câu 54:** Cho các phát biểu sau:

- (a) Hidro hóa hoàn toàn glucozơ thu được axit gluconic.  
(b) Phản ứng thủy phân xenlulozơ xảy ra được trong dạ dày của động vật ăn cỏ.  
(c) Xenlulozơ trinitrat là nguyên liệu để sản xuất tơ nhân tạo.  
(d) Saccarozơ bị hóa đen trong H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub> đậm đặc.  
(e) Trong công nghiệp dược phẩm, saccarozơ được dùng để pha chế thuốc.

Số phát biểu **đúng** là

- A. 4.                      B. 2.                      C. 3.                      D. 5.

**Câu 55:** Thủy phân hoàn toàn 10,12 gam este X trong dung dịch NaOH, sau phản ứng thu được muối của axit cacboxylic đơn chức và 3,68 gam ancol metylic. Công thức của X là

- A. CH<sub>3</sub>COOC<sub>2</sub>H<sub>5</sub>.                      B. C<sub>2</sub>H<sub>3</sub>COOCH<sub>3</sub>.                      C. CH<sub>3</sub>COOCH<sub>3</sub>.                      D. C<sub>2</sub>H<sub>5</sub>COOCH<sub>3</sub>.

**Câu 56:** Hấp thu hết 4,48 lít CO<sub>2</sub> (ở đktc) vào dung dịch chứa x mol KOH và y mol K<sub>2</sub>CO<sub>3</sub> thu được 200ml dung dịch X. Cho từ từ đến hết 100ml dung dịch X vào 300ml dung dịch HCl 0,5M thu được 2,688 lít khí (ở đktc). Mặt khác 100 ml dung dịch X tác dụng với dung dịch Ba(OH)<sub>2</sub> dư thu được 39,4 gam kết tủa. Giá trị của x là

- A. 0,15.                      B. 0,2.                      C. 0,06.                      D. 0,1.

**Câu 57:** Hiệu ứng nhà kính là hiện tượng trái đất nóng lên do các bức xạ có bước sóng dài trong vùng hồng ngoại bị giữ lại mà không bức xạ ra ngoài vũ trụ. Khí nào dưới đây là nguyên nhân chính gây ra hiệu ứng nhà kính?

- A. N<sub>2</sub>.                      B. CO<sub>2</sub>.                      C. O<sub>2</sub>.                      D. SO<sub>2</sub>.

**Câu 58:** Phát biểu nào sau đây là **đúng**?

- A. Amilopectin có cấu trúc mạch phân nhánh.                      B. Saccarozơ làm mất màu dung dịch nước Br<sub>2</sub>.  
C. Xenlulozơ có cấu trúc mạch phân nhánh.                      D. Glucozơ bị khử bởi dung dịch AgNO<sub>3</sub>/NH<sub>3</sub>.

**Câu 59:** Khi làm bay hơi 8,14 gam một este đơn chức X thu được một thể tích đúng bằng thể tích của 3,52 gam oxi đo ở cùng điều kiện nhiệt độ và áp suất. Công thức phân tử của X là

- A. C<sub>3</sub>H<sub>6</sub>O<sub>2</sub>.                      B. C<sub>3</sub>H<sub>4</sub>O<sub>2</sub>.                      C. C<sub>4</sub>H<sub>8</sub>O<sub>2</sub>.                      D. C<sub>4</sub>H<sub>6</sub>O<sub>2</sub>.

**Câu 60:** Sục V lít (đktc) khí axetilen vào dung dịch Br<sub>2</sub> thì lượng Br<sub>2</sub> phản ứng tối đa 0,3 mol. Giá trị của V là

- A. 3,36.                      B. 2,24.                      C. 6,72.                      D. 8,96.

**Câu 61:** Axit HCl và HNO<sub>3</sub> đều phản ứng được với

- A. Ag.                      B. Na<sub>2</sub>CO<sub>3</sub> và Ag.                      C. Na<sub>2</sub>CO<sub>3</sub>.                      D. Cu.

**Câu 62:** Tính chất hóa học cơ bản của NH<sub>3</sub> là

- A. tính bazơ mạnh và tính oxi hóa.                      B. tính bazơ yếu và tính khử.  
C. tính bazơ yếu và tính oxi hóa.                      D. tính bazơ mạnh và tính khử.

**Câu 63:** Cho m gam hỗn hợp bột X gồm Fe<sub>x</sub>O<sub>y</sub>, CuO và Cu vào 300ml dung dịch HCl 1M chỉ thu được dung dịch Y (không chứa HCl) và còn lại 3,2 gam kim loại không tan. Cho Y tác dụng với lượng dư dung dịch AgNO<sub>3</sub> thu được 51,15 gam kết tủa. Biết các phản ứng xảy ra hoàn toàn, giá trị của m gần nhất với giá trị nào sau đây

- A. 14,5                      B. 11,2                      C. 17,0                      D. 13,8

**Câu 64:** Số đồng phân cấu tạo là este ứng với công thức phân tử C<sub>4</sub>H<sub>8</sub>O<sub>2</sub> là

- A. 5.                      B. 4.                      C. 2.                      D. 3.

**Câu 65:** Đốt cháy hoàn toàn m gam hidrocarbon ở thể khí , nhẹ hơn không khí , mạch hở thu được 7,04 gam CO<sub>2</sub>. Sục m gam hidrocarbon này vào nước brom dư đến phản ứng hoàn toàn , thấy có 25,6 gam brom phản ứng. Giá trị m là:

- A. 2,04.                      B. 3,06.                      C. 3,02.                      D. 2,08.

**Câu 66:** Cho các chất: HCHO, HCOOH, C<sub>2</sub>H<sub>2</sub>, CH<sub>3</sub>COOH, CH<sub>3</sub>COOCH=CH<sub>2</sub>, HCOOCH<sub>3</sub>. Số chất thuộc loại este là

- A. 5.                      B. 3.                      C. 2.                      D. 4.

**Câu 67:** Nhóm tất cả các chất đều tác dụng được với H<sub>2</sub>O khi có mặt chất xúc tác trong điều kiện thích hợp là

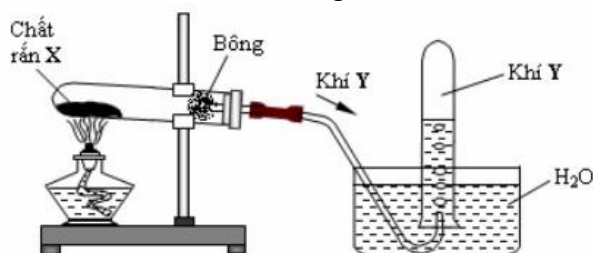
A. tinh bột, C<sub>2</sub>H<sub>4</sub>, C<sub>2</sub>H<sub>2</sub>.

B. C<sub>2</sub>H<sub>4</sub>, CH<sub>4</sub>, C<sub>2</sub>H<sub>2</sub>.

C. saccarozơ, CH<sub>3</sub>COOCH<sub>3</sub>, benzen.

D. C<sub>2</sub>H<sub>6</sub>, CH<sub>3</sub>COOCH<sub>3</sub>, tinh bột.

**Câu 68:** Cho hình vẽ mô tả thí nghiệm điều chế khí Y từ chất rắn X như sau:



Hình vẽ trên minh họa cho phản ứng nào sau đây:

A. BaSO<sub>3</sub> → BaO + SO<sub>2</sub>.

B. KMnO<sub>4</sub> → K<sub>2</sub>MnO<sub>4</sub> + MnO<sub>2</sub> + O<sub>2</sub>.

C. CaC<sub>2</sub> + H<sub>2</sub>O → Ca(OH)<sub>2</sub> + C<sub>2</sub>H<sub>2</sub>.

D. NH<sub>4</sub>Cl → NH<sub>3</sub> + HCl.

**Câu 69:** Hòa tan hoàn toàn 21,5 gam hỗn hợp X gồm Al, Zn, FeO, Cu(NO<sub>3</sub>)<sub>2</sub> cần dùng hết 430 ml dung dịch H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub> 1M thu được 0,19 mol hỗn hợp khí Y (đktc) gồm hai khí không màu, có 1 khí hóa nâu ngoài không khí, có tỉ khối hơi so với H<sub>2</sub> bằng 5,421; dung dịch Z chỉ chứa các muối sunfat trung hòa. Cô cạn dung dịch Z thu được 56,9 gam muối khan. Phần trăm khối lượng của Al trong hỗn hợp X có giá trị gần giá trị nào nhất?

A. 18,5%.

B. 18,1%.

C. 19,1%.

D. 20,1%.

**Câu 70:** Lên men hoàn toàn 23,4 gam glucozơ, thu được ancol etylic và V lít CO<sub>2</sub> (đktc). Giá trị của V là

A. 2,912.

B. 7,280.

C. 17,472.

D. 5,824.

**Câu 71:** X là este mạch hở được tạo bởi axit cacboxylic hai chức và một ancol đơn chức. Y, Z là hai ancol đơn chức, mạch hở, đồng đẳng kế tiếp nhau. Đốt cháy hoàn toàn 5,7 gam hỗn hợp E chứa X, Y, Z cần dùng 7,728 lít O<sub>2</sub> (đktc), sau phản ứng thu được 4,86 gam nước. Mặt khác, đun nóng 5,7 gam hỗn hợp E trên cần dùng 200 ml dung dịch NaOH 0,2M, cô cạn dung dịch sau phản ứng thu được phần hơi chứa 2 ancol Y, Z có khối lượng 4,1 gam. Phần trăm khối lượng X có trong E là

A. 60,35%.

B. 62,28%.

C. 61,40%.

D. 57,89%.

**Câu 72:** Este vinyl axetat có công thức là

A. CH<sub>2</sub>=CHCOOCH<sub>3</sub>.

B. CH<sub>3</sub>COOCH=CH<sub>2</sub>.

C. CH<sub>3</sub>COOC<sub>2</sub>H<sub>5</sub>.

D. C<sub>2</sub>H<sub>5</sub>COOCH<sub>3</sub>.

**Câu 73:** Đun nóng m gam glucozơ với lượng dư dung dịch AgNO<sub>3</sub> trong NH<sub>3</sub>, thu được 15,12 gam Ag. Giá trị của m là

A. 25,20.

B. 12,74.

C. 12,60.

D. 6,30.

**Câu 74:** Chất có khả năng tham gia phản ứng tráng gương là

A. CH<sub>3</sub>OH.

B. C<sub>2</sub>H<sub>5</sub>OH.

C. CH<sub>3</sub>CHO.

D. CH<sub>3</sub>COOH.

**Câu 75:** Khi thủy phân tristearin trong môi trường axit ta thu được sản phẩm là

A. C<sub>15</sub>H<sub>31</sub>COONa và etanol.

B. C<sub>17</sub>H<sub>35</sub>COONa và glixerol.

C. C<sub>17</sub>H<sub>35</sub>COOH và glixerol.

D. C<sub>17</sub>H<sub>33</sub>COOH và glixerol.

**Câu 76:** Đun nóng hoàn toàn 12,9 gam este CH<sub>2</sub>=CHCOOCH<sub>3</sub> với 100 ml dung dịch KOH 1M, cô cạn dung dịch sau phản ứng thu được bao nhiêu gam rắn khan?

A. 15,3 gam.

B. 13,7 gam.

C. 11,0 gam.

D. 9,4 gam.

**Câu 77:** X là este no, đa chức, mạch hở; Y là este ba chức, mạch hở (được tạo bởi glixerol và một axit cacboxylic đơn chức, không no chứa một liên kết C=C). Đốt cháy hoàn toàn 17,02 gam hỗn hợp E chứa X, Y thu được 18,144 lít CO<sub>2</sub> (đktc). Mặt khác, đun nóng 0,12 mol E cần dùng 570 ml dung dịch NaOH 0,5M thu được dung dịch G. Cô cạn dung dịch G thu được hỗn hợp T chứa 3 muối (T<sub>1</sub>, T<sub>2</sub>, T<sub>3</sub>) và hỗn hợp 2 ancol có cùng số nguyên tử cacbon. Biết M<sub>T1</sub> < M<sub>T2</sub> < M<sub>T3</sub> và T<sub>3</sub> nhiều hơn T<sub>1</sub> là 2 nguyên tử cacbon. Phần trăm khối lượng của T<sub>3</sub> trong hỗn hợp T gần nhất với giá trị nào dưới đây?

A. 20%.

B. 30%.

C. 29%.

D. 25%.

**Câu 78:** Dãy các chất đều có phản ứng thủy phân trong môi trường axit là

- A. saccarozơ, xenlulozơ, glucozơ.                      B. tinh bột, xenlulozơ, saccarozơ.  
C. tinh bột, glucozơ, xenlulozơ.                      D. saccarozơ, tinh bột, glucozơ.

**Câu 79:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng?

- A. Isoamyl axetat có mùi thơm của chuối chín.  
B. Các este thường dễ tan trong nước.  
C. Một số este của axit phtalic được dùng làm chất dẻo.  
D. Benzyl axetat có mùi thơm của hoa nhài.

**Câu 80:** Đun nóng axit acrylic với ancol etylic có mặt  $H_2SO_4$  đặc làm xúc tác, thu được este có công thức cấu tạo là

- A.  $C_2H_5COOCH_3$ .    B.  $C_2H_5COOC_2H_5$ .  
C.  $CH_2=CHCOOC_2H_5$ .                                      D.  $CH_3COOCH=CH_2$ .

----- HẾT -----

Tuyensinh247.com

**ĐÁP ÁN**

Mã đề	120	121	122	123	124	125	126	127	128	129	130	131
41	D	B	C	D	A	A	A	D	C	D	D	B
42	D	C	B	A	C	C	A	C	D	B	B	D
43	D	C	B	A	B	B	D	D	A	B	B	B
44	A	B	B	C	C	A	C	B	A	D	A	C
45	A	B	C	A	D	D	B	B	B	B	D	C
46	C	A	C	B	A	C	D	A	B	C	B	C
47	B	B	B	A	C	D	C	A	A	B	A	C
48	D	A	A	C	C	D	A	A	D	A	A	A
49	D	D	C	C	B	C	B	A	D	D	C	A
50	B	C	B	C	A	B	D	D	B	A	A	D
51	A	C	B	A	C	D	A	B	B	A	B	A
52	C	C	B	A	B	A	C	B	D	B	A	A
53	A	D	A	D	D	B	D	D	D	C	A	B
54	C	D	D	C	C	C	A	A	C	D	A	C
55	D	A	C	A	B	A	C	C	A	C	B	D
56	D	B	D	C	D	C	D	D	D	A	D	D
57	B	A	D	D	B	D	A	A	A	A	B	D
58	A	B	D	A	A	A	B	C	B	C	C	C
59	A	A	A	B	A	B	B	D	C	C	D	D
60	A	A	A	D	D	B	C	C	B	A	C	B
61	C	D	A	B	B	A	D	B	B	D	D	A
62	B	A	A	D	C	D	A	B	A	D	C	B
63	A	A	D	D	B	A	C	D	C	C	D	A
64	B	A	A	C	D	D	D	B	D	B	A	B
65	D	D	C	A	D	A	C	A	A	A	C	D
66	C	D	D	B	B	C	A	C	B	A	C	A
67	A	B	C	D	D	A	D	A	A	B	A	C
68	B	D	D	A	A	A	B	C	D	B	A	B
69	D	A	A	D	A	B	B	D	C	B	B	D
70	D	D	C	B	D	B	B	C	B	C	B	A
71	A	D	B	B	C	C	A	B	C	A	D	D
72	B	C	C	D	D	C	C	C	C	D	D	A
73	C	B	D	B	A	D	D	C	C	A	C	B
74	C	C	A	B	B	D	D	B	A	C	B	D
75	C	C	C	D	C	B	C	C	C	B	D	C
76	C	C	D	B	D	C	C	B	B	D	D	C
77	B	B	B	B	B	C	B	A	C	D	C	C
78	B	D	D	C	C	B	A	D	D	C	C	B
79	B	C	A	C	A	B	B	D	D	C	C	B
80	C	B	B	C	A	D	B	A	A	D	B	A